

**CTCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
DVCTCC ĐỨC LONG GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58../CV-DL1

Gia Lai, ngày 18 tháng 4 năm 2020

V/v Giải trình LNST năm 2019 thay đổi  
trên 10% so với năm 2018 và chênh lệch  
trước và sau kiểm toán trên 5%

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2019

Công ty xin giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2019 thay đổi so với năm 2018 và lợi nhuận sau thuế chênh lệch trước và sau kiểm toán như sau:

**A. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên năm 2019 so với năm 2018:**

**I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC riêng lẻ:**

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch	%
	Năm 2019	Năm 2018		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.611.281.939	26.701.692.732	(14.090.410.793)	(52,77)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.687.195.125	5.634.233.972	(2.947.038.847)	(52,31)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.924.086.814	21.067.458.760	(11.143.371.946)	(52,89)

Quá trình sản xuất kinh doanh năm 2019 so với năm 2018 cơ sở giảm doanh thu và giảm lợi nhuận

- Lưu lượng khách các tuyến tương đối, doanh thu kỳ này giảm 8,3% so với cùng kỳ năm trước
- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 63,1%, cùng kỳ năm trước chiếm 63,5 %
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí tài chính về lãi vay giảm 75,5 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí bán hàng giảm 8,3 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí quản lý tăng 281,9% so với cùng kỳ năm trước





Chi phí so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 5,7 %, kỳ trước chiếm 5,7 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 59,1% , kỳ trước chiếm 14,19 %.

**II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC hợp nhất :**

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch (3)=(1)-(2)	% Tăng/ giảm (4)=(3)/(2)
	Năm 2019	Năm 2018		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.729.017.552	23.815.766.153	(5.086.748.601)	(21,36)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.723.552.754	6.548.135.068	(3.824.582.314)	(58,41)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.005.464.798	17.267.631.085	(1.262.166.287)	(7,31)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	15.893.190.961	16.709.920.972	(816.730.011)	(4,89)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	112.273.837	557.710.113	(445.436.276)	(79,87)

Quá trình sản xuất kinh doanh năm 2019 so với năm 2018 cơ sở tăng doanh thu và giảm lợi nhuận

- Doanh thu kỳ này tăng 8,99% so với cùng kỳ năm trước
- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 96,52%, cùng kỳ năm trước chiếm 94,47 %
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 10,11% so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí tài chính tăng 21,49 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí bán hàng giảm 6,46 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí quản lý tăng 41,05% so với cùng kỳ năm trước

Chi phí so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 0,58 %, kỳ trước chiếm 0,68 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 6,34% , kỳ trước chiếm 4,9 %.

**B. Giải trình số liệu BCTC năm 2019 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:**

**I. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán riêng:**



CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.627.034.522	11.678.386.549	(2.051.352.027)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(145.990.880)	(8.646.830.880)	8.500.840.000
Tài sản cố định hữu hình	221	15.605.229.082	15.226.850.487	378.378.595
-Nguyên giá	222	34.382.599.937	32.490.706.963	1.891.892.974
-Giá trị hao mòn lũy kế	223	(18.777.370.855)	(17.263.856.476)	(1.513.514.379)
Bất động sản đầu tư	230	0	378.378.595	(378.378.595)
-Nguyên giá	231	0	1.891.892.974	(1.891.892.974)
-Giá trị hao mòn lũy kế	232	0	(1.513.514.379)	1.513.514.379
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.080.041.974.055</b>	<b>1.073.592.486.082</b>	<b>6.449.487.973</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.060.057.566	5.023.091.178	1.036.966.388
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	58.704.194.259	53.291.672.674	5.412.521.585
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>43.552.879.664</i>	<i>43.367.585.860</i>	<i>185.293.804</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>15.151.314.595</i>	<i>9.924.086.814</i>	<i>5.227.227.781</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.080.041.974.055</b>	<b>1.073.592.486.082</b>	<b>6.449.487.973</b>

1. Phải thu ngắn hạn khác giảm : 2.051.352.027 VNĐ do ghi nhận thiếu khoản phải thu ngắn hạn khác trên BCTC tự lập.

2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm : 8.500.840.000 VNĐ ghi nhận thiếu khoản Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trên BCTC tự lập.

3. Tài sản cố định hữu hình tăng : 378.378.595 VNĐ; Nguyên giá tăng : 1.891.892.974 VNĐ; Giá trị hao mòn lũy kế tăng: 1.513.514.379 VNĐ do ghi nhận sai Bất động sản đầu tư sang Tài sản hữu hình trên BCTC tự lập.

4. Bất động sản đầu tư giảm: 378.378.595 VNĐ Nguyên giá giảm : 1.891.892.974 VNĐ; Giá trị hao mòn lũy kế giảm: 1.513.514.379 VNĐ ghi nhận sai tính chất tài sản cố định hữu hình như mục B.I.3 trên BCTC tự lập.

5. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước tăng : 1.036.966.388 VNĐ do ghi nhận thiếu khoản dự phòng phải thu khó đòi liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp giảm khoản tương ứng dẫn đến thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước tăng tương ứng trên BCTC tự lập.

6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng : 5.412.521.585 VNĐ; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng : 5.227.227.781 VNĐ do ghi nhận thiếu khoản dự phòng phải thu khó đòi liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp giảm khoản tương ứng dẫn đến Lợi nhuận tăng khoản tương ứng trên BCTC tự lập.

7. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

**II. Các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh riêng:**

04  
 QNC  
 ĐP  
 TP  
 CÔ  
 NG  
 CCL  
 GIA  
 KƯ



	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15.974.569.652	18.025.921.679	(2.051.352.027)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.576.162.465	10.977.002.465	(8.400.840.000)
Chi phí khác	32	98.332.017	198.332.017	(100.000.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19.066.259.884	12.611.281.939	6.454.977.945
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.914.945.289	2.687.195.125	1.227.750.164
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	15.151.314.595	9.924.086.814	5.227.227.781

1. Doanh thu hoạt động tài chính giảm: 2.051.352.027VNĐ do ghi nhận thiếu doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ trên BCTC tự lập.

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm: 8.400.840.000 VNĐ và chi phí khác giảm : 100.000.000 VNĐ do ghi nhận thiếu khoản dự phòng phải thu khó đòi Mục B. I.2.và sai tính chất chi phí khác sang chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên BCTC tự lập.

3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng : 6.454.977.945 VNĐ, chi phí thuế TNDN hiện hành tăng: 1.227.750.164 VNĐ, Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng : 5.227.227.781VNĐ là do doanh thu hoạt động tài chính , chi phí quản lý, chi phí khác đã trình bày mục B.II. 1,2 trên BCTC tự lập, nên tổng lợi nhuận trước thuế tăng và chi phí TNDN hiện hành tăng theo tỷ lệ và Lợi nhuận sau thuế tăng theo tương ứng.

4. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể

### III. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Tiền	111	2.642.167.362	942.167.362	1.700.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	70.678.040.008	83.498.040.008	(12.820.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	136	27.539.894.600	29.591.246.627	(2.051.352.027)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(145.990.880)	(8.646.830.880)	8.500.840.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	318.513.000.000	307.393.000.000	11.120.000.000
Tài sản cố định hữu hình	221	15.605.229.082	15.226.850.487	378.378.595
-Nguyên giá	222	34.382.599.937	32.490.706.963	1.891.892.974
-Giá trị hao mòn lũy kế	223	(18.777.370.855)	(17.263.856.476)	(1.513.514.379)
Bất động sản đầu tư	230	0	378.378.595	(378.378.595)
-Nguyên giá	231	0	1.891.892.974	(1.891.892.974)
-Giá trị hao mòn lũy kế	232	0	(1.513.514.379)	1.513.514.379
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.335.565.768.346</b>	<b>1.329.091.629.736</b>	<b>6.474.138.610</b>

37  
TỶ  
IẢN  
AT  
NG  
LON  
ONC  
LAI  
-T.C



Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	6.083.445.795	5.046.479.407	1.036.966.388
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	52.850.000.000	55.550.000.000	(2.700.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	146.745.247.308	144.045.247.308	2.700.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	62.884.679.357	57.447.507.136	5.437.172.221
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421</i>	<i>41.739.609.979</i>	<i>41.554.316.175</i>	<i>185.293.804</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421</i>	<i>21.145.069.378</i>	<i>15.893.190.961</i>	<i>5.251.878.417</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.335.565.768.346</b>	<b>1.329.091.629.736</b>	<b>6.474.138.610</b>

1. Tiền tăng: 1.700.000.000 VNĐ do là Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhận sai khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trên BCTC tự lập.

2. Phải thu về cho vay ngắn hạn giảm : 12.820.000.000 VNĐ do là Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhận sai phải thu về cho vay ngắn hạn sang phải thu về cho vay dài hạn trên BCTC tự lập.

3. Phải thu ngắn hạn khác giảm : 2.051.352.027 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận thiếu khoản phải thu ngắn hạn khác trên BCTC tự lập.

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm : 8.500.840.000 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận thiếu khoản Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trên BCTC tự lập.

5. Tài sản cố định hữu hình tăng : 378.378.595 VNĐ; Nguyên giá tăng : 1.891.892.974 VNĐ; Giá trị hao mòn lũy kế tăng: 1.513.514.379 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận sai của Bất động sản đầu tư sang Tài sản hữu hình trên BCTC tự lập.

6. Bất động sản đầu tư giảm: 378.378.595 VNĐ Nguyên giá giảm : 1.891.892.974 VNĐ; Giá trị hao mòn lũy kế giảm: 1.513.514.379 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận sai tính chất tài sản cố định hữu hình trên BCTC tự lập.

7. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước tăng : 1.036.966.388 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận thiếu khoản dự phòng phải thu khó đòi liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp giảm khoản tương ứng dẫn đến thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước tăng tương ứng trên BCTC tự lập.

8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm : 2.700.000.000 VNĐ là do Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhận sai từ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trên BCTC tự lập.

9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng: 2.700.000.000 VNĐ là do Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhận sai từ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trên BCTC tự lập.

10. Lợi nhuận tăng là do ghi nhận sai chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty mẹ trên BCTC tự lập. Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước tăng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng Mục B.I.6 và Lợi nhuận Công ty Cổ phần



Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty liên doanh liên kết trên BCTC tự lập dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm sau kiểm toán một khoản tương ứng.

11. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

**IV. Các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:**

	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Doanh thu hoạt động tài chính	21	54.527.423.363	56.578.775.390	(2.051.352.027)
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	22.209.782	(2.440.854)	24.650.636
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.351.825.991	12.752.665.991	(8.400.840.000)
Chi phí khác	32	10.308.425.520	10.408.425.520	(100.000.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25.397.046.133	18.729.017.552	6.668.028.581
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.983.660.294	2.723.552.754	1.260.107.540
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	21.413.385.839	16.005.464.798	5.407.921.041
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	21.409.560.091	15.893.190.961	5.516.369.130
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	3.825.748	112.273.837	(108.448.089)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	212	157	55
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	212	157	55

1. Doanh thu hoạt động tài chính giảm: 2.051.352.027VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận thiếu doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ trên BCTC tự lập.

2. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh tăng: 24.650.636VNĐ do ghi nhận sai của Công ty liên kết, liên doanh trên BCTC tự lập.

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm: 8.400.840.000 VNĐ và chi phí khác giảm : 100.000.000 VNĐ do Công ty mẹ ghi nhận thiếu khoản dự phòng phải thu khó đòi Mục B.I.2 và sai tính chất chi phí khác sang chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên BCTC tự lập.

4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng :6.668.028.581VNĐ, chi phí thuế TNDN hiện hành tăng: 1.260.107.540VNĐ, Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng : 5.407.921.041VNĐ là do doanh thu hoạt động tài chính , chi phí quản lý, chi phí khác đã trình bày mục B. IV. 1,2,3, trên BCTC tự lập, nên tổng lợi nhuận trước thuế tăng và chi phí TNDN hiện hành tăng theo tỷ lệ và Lợi nhuận sau thuế tăng theo tương ứng.

5. Lợi nhuận sau thuế TNDN thuộc cổ đông công ty mẹ sau kiểm toán tăng 5.516.369.130 VNĐ và lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát giảm 108.448.089VNĐ so với số liệu trước kiểm toán chủ yếu do điều chỉnh đã trình bày mục B.IV(1,2,3,4) này .

6. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

LAI X



**C. Giải trình vấn đề cần nhấn mạnh trên báo cáo kiểm toán tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2019**

**Vấn đề cần nhấn mạnh :**

- Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 9, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân mượn tiền mà không có tài sản đảm bảo.

- Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2019 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**Chúng tôi xin giải trình vấn đề này như sau:**

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành xây dựng chiến lược kinh doanh mới và tạo mối liên kết trong kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo thu hồi nợ các đơn vị hợp tác kinh doanh với Công ty.

- Đây là lưu ý của Công ty kiểm toán đến người đọc Báo cáo tài chính của Công ty

Trên đây là giải trình của Công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019.

Trân trọng kính chào !

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu KT

**CTCP ĐPT DV CTCC  
ĐỨC LONG GIA LAI**



**Giám đốc**

**Nguyễn Tường Cột**

CTCP